

Số: 2793237

|                                                | Mazda2 1.5L Premium                          | Mazda CX-3 1.5L Deluxe |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>509.000.000đ</b>                          | <b>564.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                              |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4340 x 1695 x 1470                           |                        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2570                                         |                        |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 4700                                         |                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 140                                          |                        |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1074                                         |                        |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1538                                         |                        |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 440                                          |                        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 44                                           |                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                            |                        |
| Nguồn gốc                                      | Nhập Khẩu                                    |                        |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                              |                        |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L                              |                        |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                                         |                        |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 109 / 6000                                   |                        |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 141 / 4000                                   |                        |
| Hộp số                                         | 6AT                                          |                        |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                              |                        |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập McPherson                            |                        |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn                                   |                        |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                          |                        |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                          |                        |
| Thông số lốp xe                                | 185/60 R16                                   |                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 7.86                                         |                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.25                                         |                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.21                                         |                        |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                            |                        |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                                 |                        |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                              |                        |
| Cụm đèn trước                                  | LED                                          |                        |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                            |                        |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                                            |                        |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                            |                        |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                            |                        |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                                      |                        |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                            |                        |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                            |                        |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                            |                        |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus |                        |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                              |                        |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                            |                        |

|                                    |                  |
|------------------------------------|------------------|
| Chất liệu ghế                      | Da               |
| Ghế người lái chỉnh cơ             | ●                |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog + Digital |
| Màn hình HUD                       | ●                |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 7                |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ● (Không dây)    |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1                |
| Chìa khóa thông minh               | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                      | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                |

### **AN TOÀN:**

|                                                 |     |
|-------------------------------------------------|-----|
| Số túi khí                                      | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●   |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | ●   |
| Camera lùi                                      | ●   |